

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P7	7:25	21+0	0+0		17+1	0+0	
2		RC4+CLO	7:25	0+18	0+0		3+18	0+0	CHUYEN 1 RC4-CLO
3		PPD+CTK3	7:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
4		CLO+P2	9:25	15+6	0+0		1+21	0+0	
5		RP3+RP1+VSP02	9:25	16+2+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
6		P4+TD1+BK4	9:25	16+3+0	0+0+0		13+0+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ I NGUOI CTK3-VỀ ĐI P4



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2025	TO: TD1 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ZHARIKOV V. A.	TD1	51	1	17			69	KHOAN	Russian
2	PHAN VIET HUNG	TD1	46	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	53	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	60	1	4	6	110	65	KHOAN	Vietnamese
5	MAI XUÂN TUNG	TD1	58	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH ĐỨC TIẾN	TD1	59	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM MINH THĂNG	TD1	48	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN MINH	TD1	57	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
9	VU MANH HAI	TD1	14	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUANG SANG	TD1	54	1	3			54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN UT	TD1	07	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU XUÂN HẠNH	TD1	55-56	2	13			69	KHOAN	Vietnamese
13	CAO ĐỨC SANG	TD1	44-45	2	9			58	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	13	1	10			67	KHOAN	Vietnamese
15	MAI ĐẠI HAI	TD1	49-50	2	17			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ DUNG	TD1	61	1	10			64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH BĂNG	TD1	47	1	5			85	PSV	Vietnamese
18	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	08	1	3			72	PSV	Vietnamese
19	HOANG NGỌC KHANH	TD1	52	1	3			75	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN TÍNH	TD1	42-43	2	5			57	PSV	Vietnamese
21	VU THANH TUYẾN	TD1	12	1	5			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	21	1.455	25	141	6	110	17		
2	P7	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.455	25	141	6	110	18		
WEIGHT KG			1.455		141		110			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2025	TO: RC4 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	54	1	5	1	2	83	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG THANH	CLO	43	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	52	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	46	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN LY	CLO	45	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	51	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC HAI	CLO	48	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH BÌNH	CLO	44	1	8			84	ANTOAN	Vietnamese
9	TRẦN KIM HÙNG	CLO	41	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯỜNG VĂN THỌ	CLO	47	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN SƠN	CLO	53	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
12	CHU QUANG SƠN	CLO	49	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH QUANG CHIẾN	CLO	56	1	15			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TỊNH	CLO	50	1	13			82	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM TIẾN VINH	CLO	42	1	17			85	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THĂNG	CLO	55	1	15			59	KHOAN	Vietnamese
17	FOK S.I.	CLO	40	1	8			124	KHOAN	Russian
18	SOTRIVEX IGOR	CLO	39	1	9			106	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	0	0	0	0	0	0	3	<i>fl</i>	CHUYEN 01 PAX RC4 - CLO
2	CLO	18	1.446	18	154	1	2	18		
TOTAL		18	1.446	18	154	1	2	21		
WEIGHT KG			1.446		154		2			

GRAND TOAL: 1.602 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2025	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - NPHÚ - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TU NGOC HAI	PPD	62-63	2	9	1	20	80	KHI	Vietnamese
2	BUI HUU LAN	PPD	66	1	5			79	KHI	Vietnamese
3	PHAM VAN SON	PPD	49	1	10			60	KHI	Vietnamese
4	PHAM ĐỨC TUÂN	PPD	55	1	5			70	KHI	Vietnamese
5	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	51	1	9			58	KHI	Vietnamese
6	TRAN ĐỨC DUY	PPD	50	1	8			71	KHI	Vietnamese
7	VO TA QUANG	PPD	57	1	5			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN VINH	PPD	53	1	6			77	KHI	Vietnamese
9	ĐO VĂN TỰ	PPD	52	1	4			67	KHI	Vietnamese
10	LAM QUANG NAM	PPD	64	1	9			76	KHI	Vietnamese
11	HOANG MINH HIEU	PPD	61	1	7			71	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THU	PPD	70	1	7			63	KHI	Vietnamese
13	PHAM HONG THAI	PPD	59	1	4			68	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	65	1	4			51	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG ĐẠI NGHĨA	PPD	68	1	4			80	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	54	1	7			90	KHI	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	56	1	5			86	KHI	Vietnamese
18	HOANG NGOC ANH CHIEN	PPD	67	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HAI QUANG	PPD	60	1	5			72	KHI	Vietnamese
20	PHUNG VAN CHINH	PPD	58	1	4			82	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	69	1	8			67	KHI	Vietnamese
22	HUYNH NAM LONG	PPD	600	1	8			66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	22	1.578	23	140	1	20	21		
2	CTK3	0	0	0	0	3	45	1		
TOTAL		22	1.578	23	140	4	65	22		
WEIGHT KG			1.578		140		65			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2025	TO: CLO - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN PHƯƠNG HÙNG	CLO	71	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
2	HA KHUÔNG DUY	CLO	66-67	2	17			65	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN QUÂN	CLO	68-69	2	16			72	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ THANH THAI	CLO	70	1	12			93	KHOAN	Vietnamese
5	TU QUỐC VIỆT	CLO	65	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HAM HA	CLO	73	1	9	3	45	68	DVL	Vietnamese
7	ĐO THANH HAI	CLO	72	1	7			69	DVL	Vietnamese
8	PHẠM TÙNG VY	CLO	74	1	14			69	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	CLO	62	1	7			101	PSV	Vietnamese
10	VŨ VĂN THẨM	CLO	60	1	3			61	PSV	Vietnamese
11	HOÀNG HỮU THU	CLO	61	1	10			76	PSV	Vietnamese
12	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	59	1	9			86	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	64	1	3			76	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VŨ DUYỀN	CLO	58	1	7			70	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH DANH VY	CLO	65	1	4			63	PSV	Vietnamese
16	ĐÀO XUÂN HÒA	P2	47	1	9			55	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	P2	45	1	5			73	KHI	Vietnamese
18	TRẦN SƠN HAI	P2	48	1	5			75	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG HUY TIẾN	P2	50	1	6			55	KHI	Vietnamese
20	PHẦN ANH KHANG	P2	46	1	7			67	KHI	Vietnamese
21	HOÀNG QUỐC LONG	P2	49	1	5			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	15	1.101	17	135	3	45	1		
2	P2	6	384	6	37	0	0	21		
TOTAL		21	1.485	23	172	3	45	22		
WEIGHT KG			1.485		172		45			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2025	TO: RP3 - RP1 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CU'ONG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG THANH HOA	RP3	72-73	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN HUNG	RP3						81	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NAM	RP3	64	1	7			80	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ANH	RP3	70-71	2	11	2	25	65	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	RP3						65	KHI	Vietnamese
6	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	56	1	4			68	KHI	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN VAO	RP3	60-61	2	12			81	KHI	Vietnamese
8	HOANG ĐỨC LAM ANH	RP3	62	1	4			78	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	69	1	2			71	KHI	Vietnamese
10	VŨ VĂN CƯỜNG	RP3	63	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	RP3	65	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	RP3						80	KHI	Vietnamese
13	HOANG VAN CHIEN	RP3	51	1	6			73	KHI	Vietnamese
14	PHẠM DUY DUNG	RP3						80	KHI	Vietnamese
15	TẠ PHI KHÁNH	RP3						74	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VIET TOAN	RP3	59	1	7			97	PSV	Vietnamese
17	DANG TRAN LONG	RP3	52	1	9			59	DUY LINH	Vietnamese
18	NGUYEN ANH THANG	RP3	54-55	2	16			57	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG THOAI	RP3	53	1	9			70	DUY LINH	Vietnamese
20	VU VAN THANH	RP3	58	1	9	1	14	56	DUY LINH	Vietnamese
21	PHAN XUAN THANH	RP1	75	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ THANH TỰ	RP1	76-77	2	8	2	15	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	20	1.459	19	122	3	39	20		
2	RP1	2	140	3	18	2	15	1		
3	VSP02	0	0	0	0	1	10	1		
TOTAL		22	1.599	22	140	6	64	22		
WEIGHT KG			1.599		140		64			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2025	TO: P4 - TD1 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - THU	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE VAN HUONG	P4	600	1	4	2	35	64	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN BACH DUONG	P4	95	1	5			73	KHI	Vietnamese
3	NGO THANH LAM	P4	97	1	4			67	KHI	Vietnamese
4	TRAN SON NAM	P4	90	1	6			86	KHI	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	91	1	3			90	KHI	Vietnamese
6	LUONG TUAN CHUNG	P4	92	1	4			75	KHI	Vietnamese
7	PHAM VAN QUYEN	P4	88-89	2	18			79	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN MINH CANG	P4	94	1	4			78	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P4						77	KHI	Vietnamese
10	ZHURBIN N.B.	P4	98	1	6			91	KHI	Russian
11	TA VAN QUYNH	P4	84-85	2	10			75	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN CHIEN CONG	P4	99	1	3			67	KHI	Vietnamese
13	VU NGOC TUAN	P4	86-87	2	9			83	KHI	Vietnamese
14	DANG THE HUY	P4	93	1	10			97	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU LUAN	P4	96	1	5			73	KHI	Vietnamese
16	PHAN THANH SON**VE TU CTK3	P4	79	1	15			82	T-TIN	Vietnamese
17	LE VAN QUANG	TD1	62,63,32	3	18			66	MERMAID	Vietnamese
18	LE DUY THANG	TD1	33-34	2	20			78	MERMAID	Vietnamese
19	HOANG DANG NAM	TD1	61	1	5			97	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

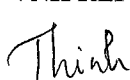
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	16	1.257	18	106	2	35	13		
2	TD1	3	241	6	43	0	0	0		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		19	1.498	24	149	2	35	21		
WEIGHT KG			1.498		149		35			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+GTCl+TD2	7:25	5+0+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 GTCl-TD2
2		P1+TD5	9:25	17+0	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2025	TO: BK9 - GTC1 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - THÀNH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BELAIEV	BK9	08	1	14			80	KH-THAC	Russian
2	PHAN QUANG VŨ	BK9	11	1	16	2	25	69	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THAI THÀNH	BK9	12,43	2	16			71	KH-THAC	Vietnamese
4	TA HỒNG QUÂN	BK9	10	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN AN NINH	BK9	13	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN CHÍNH	TD2	52	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC DŨNG	TD2	49	1	14			82	KHOAN	Vietnamese
8	VUONG DINH LIEN	TD2	80-81	2	8	3	45	62	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2	51	1	3			73	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	79	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN THIỆN	TD2	53	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD2	56-57	2	9			66	ĐANG KIEM	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	54-55	2	15			77	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ PHU	TD2	43	1	10			66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	50	1	5			55	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ THẾ CÔNG	TD2	46	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
17	VÔ THANH NHẬT	TD2	47-48	2	12			78	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT CHÍ THIÊN	TD2	44-45	2	9			79	PSV	Vietnamese
19	VÔ VĂN TUÂN TU	TD2	82	1	7			71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	5	354	6	72	2	25	0		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	+ 1	CHUYEN 01 PAX TU GTC1 SANG TD2
3	TD2	14	1.009	19	121	3	45	22		
TOTAL		19	1.363	25	193	5	70	22		
WEIGHT KG			1.363		193		70			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2025	TO: P1 - P4 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - THÀNH	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN DOANH	P1						72	KHOAN	Vietnamese
2	CAO DINH THANH	P1	03	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HAU	P1	200	1	2			73	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN LE KIEN	P1	02	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU NAM	P1	04	1	6			86	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN PHUONG	P1	11	1	9			63	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUY TAN	P1	10	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	12	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUYNH	P1	05	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHAT QUANG	P1	08	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
11	LE XUAN TUYEN	P1	01	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC TU	P1	09	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHIA	P1	14	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CHI LINH	P1	13	1	10			80	DVL	Vietnamese
15	BAN PHUC LONG	P1	15	1	16			75	DVL	Vietnamese
16	TRAN QUANG HUY	P1	06	1	9			86	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THONG	P1	07	1	8			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	17	1.191	16	100	0	0	15		
2	P4	0	0	0	0	0	0	1		
3	TD5	0	0	0	0	4	80	6		
TOTAL		17	1.191	16	100	4	80	22		
WEIGHT KG			1.191		100		80			

GRAND TOAL: 1.371 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN